

NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC HỌC TỪ VỰNG PHỔ BIẾN CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT, KHOA TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Đoàn Ngọc Ái Thu*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 04/01/2022; Hoàn thành phản biện: 24/03/2022; Duyệt đăng: 29/04/2022

Tóm tắt: Một trong những yếu tố thiết yếu để giúp người học tiếng Anh đạt được kết quả tốt nhất chính là vốn từ vựng. Nghiên cứu này tìm hiểu các chiến lược học từ vựng (vocabulary learning strategies) thông qua khảo sát 100 sinh viên năm nhất Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số sinh viên có nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của việc học từ vựng và hầu hết sinh viên sử dụng các chiến lược học từ vựng với tần suất trên mức trung bình. Trong năm nhóm chiến lược học từ vựng, các chiến lược thuộc nhóm chiến lược siêu nhận thức được sinh viên ưa chuộng và sử dụng nhiều nhất (với tần suất sử dụng ở mức cao), trong khi đó, tần suất sử dụng chiến lược xã hội là ít nhất. Nghiên cứu đưa ra một số đề xuất để làm cơ sở tham khảo cho việc dạy và học từ vựng.

Từ khóa: Từ vựng, chiến lược học từ vựng, học tiếng Anh

1. Mở đầu

Từ vựng là một trong những yếu tố cần thiết nhất của một ngôn ngữ. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc xác định xem người học có thành công trong việc học một ngôn ngữ mới và truyền tải thông điệp, ý nghĩ của họ hay không. Do đó, việc có kiến thức sâu rộng về từ vựng rất cần thiết trong học tập và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc và viết; nếu người học thiếu kiến thức về từ vựng, họ sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thể hiện bản thân, nhất là thông qua kỹ năng nói và viết. Nhận thấy tầm quan trọng và ý nghĩa của kiến thức về từ vựng trong hiệu quả giao tiếp, việc dạy và học từ vựng luôn thu hút sự chú ý đáng kể của các nhà nghiên cứu, đặc biệt là giáo viên và sinh viên. Có rất nhiều chiến lược để học từ vựng, tuy nhiên để có được chiến lược làm giàu từ vựng một cách hiệu quả thì không dễ dàng và thực tế cho thấy một số phương pháp học từ vựng chưa thực sự hiệu quả. Rất nhiều nghiên cứu đã được thực hiện trong lĩnh vực học từ vựng nhằm xác định chiến lược học từ vựng hiệu quả và được sử dụng thường xuyên nhất. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu về các chiến lược học từ vựng được thực hiện trong bối cảnh học ngoại ngữ tiếng Anh (EFL) tại Việt Nam, đặc biệt là tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Bài viết này tập trung vào việc giải quyết 2 câu hỏi nghiên cứu: Sinh viên năm nhất Khoa Tiếng Anh - ĐHNH Huế có nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của chiến lược học từ vựng? Những chiến lược học từ vựng nào được sinh viên sử dụng với tần suất cao nhất, cũng như những chiến lược học từ vựng nào ít được sử dụng nhất? Kết quả nghiên cứu sẽ làm cơ sở để tìm ra những chiến lược học từ vựng phổ biến của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh.

* Email: dnaithu@hueuni.edu.vn

2. Cơ sở lí luận

2.1. Chiến lược học từ vựng

Từ vựng là một trong những thành phần then chốt, không chỉ quan trọng đối với việc thông thạo ngôn ngữ mà nó còn giúp tạo nên những kỹ năng giao tiếp tốt. Đối với người học ngôn ngữ, việc phát triển cho bản thân vốn từ vựng đa dạng là một nhiệm vụ quan trọng và cần phải được liên tục phát triển. Thêm vào đó, việc nâng cao kiến thức về từ vựng và biết sử dụng từ vựng đúng cách là một điều hết sức quan trọng đối với bất kỳ người học ngoại ngữ nào. Vì vậy, để đạt được mục đích này thì cần phải có sự chuyển dịch, mà cụ thể là từ người dạy và việc dạy ngôn ngữ sang người học và việc học ngôn ngữ (Sadighi & Zarafshan, 2006). Như đã được đề cập bởi Rubin (1987) và O'Malley và Chamot (1995), chiến lược học ngôn ngữ bao gồm bất kỳ những hoạt động, chiến lược, quy trình hay khái niệm mà người học ngôn ngữ dùng để hỗ trợ cho việc hiểu biết, ghi nhớ và sử dụng ngôn ngữ. Phương pháp này có vẻ phù hợp với giáo viên ngôn ngữ để họ có thể hỗ trợ cho người học sử dụng các chiến lược học từ vựng hiệu quả trong quá trình tự học từ vựng (O'Malley & Chamot, 1995).

Theo Catalán (2003), định nghĩa của chiến lược học từ vựng được phát triển từ các chiến lược học ngôn ngữ. Oxford (1990, tr.8) đã định nghĩa chúng “như là những hoạt động được người học sử dụng để hỗ trợ cho việc tiếp thu, lưu trữ, xây dựng và sử dụng thông tin (từ vựng)”. Cameron (2001, tr.92) lại định nghĩa những chiến lược học từ vựng (VLSs) như là “những hành động mà người học thực hiện để giúp bản thân hiểu và ghi nhớ các từ vựng”. Đối với Catalán (2003, tr.56), sau khi xem xét những định nghĩa của VLSs từ Rubin (1987), Wenden (1987), Oxford (1990), và Schmitt (1997), thông qua nghiên cứu của mình, bà nhận định VLSs là “những kiến thức về các cơ chế (quá trình, chiến lược) được sử dụng để học từ vựng, hoặc là các bước và hành động được thực hiện bởi người học (a) để tìm ra nghĩa của một từ họ chưa biết, (b) để lưu trữ chúng vào bộ nhớ dài hạn, (c) để có thể nhớ lại chúng theo ý muốn và (d) để dùng chúng khi nói hoặc viết. Các chiến lược học ngôn ngữ là những chiến lược tinh thần mà người học sử dụng để cải thiện việc học ngôn ngữ và sử dụng những từ vựng mới đã học một cách dễ dàng. Những người học ngôn ngữ thường thử qua một vài cách để có thể sử dụng nhiều chiến lược học từ vựng khác nhau. Với bất kỳ loại ngôn ngữ nào thì việc ghi nhớ được hết tất cả những từ vựng ở thứ tiếng đó là một điều không thể, và người học cũng khó có thể nắm vững được từ vựng ở ngôn ngữ đích. Chính vì điều này, họ cần sử dụng các kỹ thuật đã đề cập trước đó vào các giai đoạn học tập khác nhau để có thể nâng cao khả năng tiếp thu từ vựng và ghi nhớ các từ vựng này.

2.2. Phân loại chiến lược học từ vựng

Trong việc phân loại các chiến lược học tập, một số học giả đã phân loại các chiến lược học từ vựng thành nhiều loại khác nhau dựa vào những kết quả từ nghiên cứu của họ. Những hệ thống phân loại này đã đóng góp một phần quan trọng vào kiến thức chung về các chiến lược học từ vựng, có thể kể đến như là hệ thống của Cohen (1987), Gu and Johnson (1996), Schmitt (1997) và Nation (2005). Với mục đích phục vụ cho nghiên cứu này thì phương pháp phân loại được phát triển bởi Schmitt (1997) đã được sử dụng. Ông ấy đề xuất hai khía cạnh của việc học từ vựng bao gồm: chiến lược khám phá và chiến lược củng cố. Chiến lược khám phá là những chiến lược được sử dụng để khám phá nghĩa của những từ vựng mà người học được thấy lần đầu, trong khi

chiến lược củng cố thì được áp dụng để giúp người học hiểu rõ hơn và tiếp thu ý nghĩa của những từ đó khi họ gặp lại chúng sau này.

Các chiến lược này được chia nhỏ thành 5 loại dưới dạng chiến lược xác định (DET) đề cập đến những chiến lược học tập cá nhân giúp người học tự khám phá nghĩa của từ mà không cần đến sự giúp đỡ của giáo viên hay bạn bè đồng trang lứa. Mặt khác, chiến lược xã hội (SOC) thì thúc đẩy người học tương tác nhiều hơn với người khác, trong khi phương pháp ghi nhớ (MEM) thì lại giúp người học tiếp thu được những từ mới bằng cách sử dụng kiến thức hiện tại hoặc kiến thức nền của bản thân để liên hệ các từ mới này. Khá tương đồng với chiến lược ghi nhớ là chiến lược nhận thức (COG). Tuy nhiên, sự khác nhau ở chỗ chiến lược nhận thức không tập trung quá sâu vào quá trình vận dụng kỹ năng. Nhóm chiến lược này bao gồm quá trình lặp lại và sử dụng những công cụ máy móc cho quá trình học từ vựng. Trong khi đó, chiến lược siêu nhận thức (MET) lại là phương pháp liên quan nhiều hơn đến những quá trình như là việc đưa ra quyết định hay theo dõi và đánh giá sự tiến bộ xuyên suốt quá trình học của người học.

2.3. Lịch sử nghiên cứu

Những nghiên cứu trước đây về các chiến lược học từ vựng đã mang lại những kết quả quý báu. Một nghiên cứu do Gu và Johnson (1996) thực hiện trên 850 sinh viên đại học người Trung Quốc đã cho thấy một mối quan hệ đáng kể giữa chiến lược học từ vựng, trình độ ngôn ngữ và kiến thức từ vựng. Điều thú vị là có một sự liên quan tích cực giữa điểm số của người học với các chiến lược: sử dụng từ điển, đoán nghĩa từ ngữ cảnh và ghi chú. Tuy nhiên, các học giả lại nhận thấy rằng việc lặp lại từ vựng bằng hình ảnh lại có một mối tương quan không tốt với quy mô của số lượng từ vựng và độ thông thạo tiếng nói chung. Tuy vậy, ở một khảo sát khác được thực hiện ở Nhật Bản bởi Schmitt (1997) trên 600 học viên là học sinh trung học, đại học và người lớn, các nhà nghiên cứu lại nhận thấy rằng chiến lược được sử dụng thường xuyên nhất đó là phương pháp sử dụng từ điển, phương pháp lặp lại từ vựng bằng cách nói hoặc viết, đánh vần các từ và đoán nghĩa dựa trên ngữ cảnh; trong khi đó thì các phương pháp như sử dụng bản đồ ngữ nghĩa (semantic map), phương pháp sử dụng từ khóa hay phương pháp tìm từ cùng gốc thì lại ít được sử dụng hơn. Trong một nghiên cứu gần đây, Rabadí (2016) tìm ra chiến lược Ghi nhớ được người học sử dụng thường xuyên nhất, trong khi đó thì chiến lược Siêu nhận thức lại là những chiến lược ít được sử dụng nhất bởi 110 học sinh người Jordan. Kết quả của nghiên cứu cho thấy rằng các chiến lược Ghi nhớ được người học sử dụng thường xuyên nhất, trong khi đó thì chiến lược Siêu nhận thức lại là những chiến lược ít được sử dụng nhất.

Với những kết quả không nhất quán của nghiên cứu trước đây về chiến lược học từ vựng, đặc biệt là ở cấp đại học, những phát hiện của nghiên cứu này có thể sẽ góp một phần đáng kể vào sự hiểu biết của chúng ta về những chiến lược này và cách chúng được sinh viên đại học Việt Nam áp dụng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể tham gia nghiên cứu này gồm 100 sinh viên năm thứ nhất đến từ khoa tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Trong đó, có 81 sinh viên nữ (81%) và 19 sinh viên nam

(19%) trong độ tuổi từ 18 đến 19. Những sinh viên này đều đã tiếp xúc và học tiếng Anh từ 9 đến 13 năm.

3.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Công cụ được sử dụng để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu là Bản câu hỏi điều tra được tham khảo và thiết kế dựa trên Bản câu hỏi điều tra chiến lược học từ vựng (Vocabulary Learning Strategies Questionnaire) của Schmitt (1997) vì nó phù hợp với mục đích của nghiên cứu này. Bản câu hỏi điều tra của Schmitt (1997) dùng để trình bày các loại chiến lược học từ vựng mà những người tham gia khảo sát sử dụng, nhằm tìm ra tần suất của các chiến lược học từ vựng mà họ sử dụng, từ đó tiết lộ cách sử dụng tổng thể của chiến lược học từ vựng của những người tham gia trả lời. Trong nghiên cứu này, nhà nghiên cứu đã tiến hành điều chỉnh bản câu hỏi điều tra để phù hợp với môi trường học tập và trình độ năng lực của người tham gia. Bản câu hỏi điều tra gồm ba phần: phần đầu tiên bao gồm thông tin cá nhân của những người tham gia; phần thứ hai là bảng câu hỏi gồm 5 câu hỏi để tìm hiểu nhận thức của người tham gia về tầm quan trọng của chiến lược học từ vựng; phần thứ 3 gồm 40 câu hỏi để ghi lại câu trả lời của những người tham gia về chiến lược học từ vựng của họ. Người tham gia nghiên cứu được yêu cầu đánh giá tần suất sử dụng chiến lược học từ vựng của mình theo thang điểm gồm năm lựa chọn như bản câu hỏi thang đo Likert cho mỗi câu hỏi không bao giờ (1 điểm), hiếm khi (2 điểm), đôi khi (3 điểm), thường xuyên (4 điểm), và luôn luôn (5 điểm). 40 câu hỏi là các chiến lược học từ vựng trong năm nhóm Chiến lược học từ vựng, gồm: Xác định, Xã hội, Ghi nhớ, Nhận thức và Siêu nhận thức.

3.3. Quá trình thu thập và phân tích dữ liệu

Bản câu hỏi điều tra được thiết kế qua Google Form bằng tiếng Việt và gửi cho sinh viên. Sinh viên được giải thích rõ trong bản câu hỏi điều tra về chiến lược học từ vựng theo phân loại của Schmitt (1997), ý nghĩa của việc thu thập thông tin cho nghiên cứu cũng như tầm quan trọng của việc cung cấp thông tin trung thực, chính xác.

Trước khi tiến hành phát bản câu hỏi điều tra chính thức, tác giả đã thực hiện một thử nghiệm thí điểm với 20 sinh viên không tham gia vào nghiên cứu, nhằm đánh giá hệ số tin cậy của bản hỏi với kết quả Cronbach's Alpha là 0,920. Sau khi nhận được phản hồi từ thử nghiệm thí điểm để có những điều chỉnh phù hợp, bản câu hỏi điều tra chính thức được gửi qua email cho 100 sinh viên năm thứ nhất và đã được tổng hợp lại ngay sau đó. Đã có 100 phiếu trả lời đầy đủ và đáng tin cậy đã được sử dụng để đưa vào tổng hợp và phân tích. Với bản câu hỏi điều tra chính thức, hệ số tin cậy cho kết quả Cronbach's Alpha là 0,935 cho thấy rằng thang đo lường trong nghiên cứu này đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Nghiên cứu đã sử dụng ứng dụng Excel để mã hóa các câu trả lời và sử dụng phần mềm SPSS để xử lý các chỉ số như: tần suất (frequency), tỉ lệ (percentage), giá trị trung bình (mean), và độ lệch chuẩn (standard deviation). Các số liệu đã được trình bày dưới dạng bảng để làm dữ liệu mô tả trong bài báo.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của chiến lược học từ vựng

Bảng 1. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của chiến lược học từ vựng (n=100)

| Ý kiến phát biểu | Mức độ đánh giá | | | | |
|---|------------------------|--------------|--------------|--------|------------------|
| | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Không ý kiến | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
| Dù là sinh viên đại học nhưng tôi vẫn ưu tiên việc tiếp thu từ vựng | 0% | 2% | 6% | 23% | 69% |
| Tôi biết về những phương pháp và chiến lược để học từ vựng | 2% | 16% | 34% | 33% | 15% |
| Việc áp dụng nhiều chiến lược học từ vựng khác nhau là một điều quan trọng đối với tôi. | 3% | 10% | 20% | 39% | 28% |

Kết quả khảo sát 100 sinh viên cho thấy đa số sinh viên năm nhất (92%) có nhận thức về tầm quan trọng của việc tiếp thu từ vựng (Bảng 1). Khi nhận thức được vai trò của việc học từ vựng thì sinh viên sẽ thích học từ vựng hơn. Nhờ sự hứng thú đó mà chất lượng và hiệu quả của việc học cũng cao hơn. Tuy nhiên, có đến hàng nghìn từ phải ghi nhớ, do vậy sinh viên phải lựa chọn chiến lược học từ vựng phù hợp nhất với trình độ của mình. Khi trả lời khảo sát, gần một nửa sinh viên (48%) “*biết về những phương pháp và chiến lược để học từ vựng*”. Điều này cho thấy số sinh viên có nhận thức và hiểu biết về các chiến lược học từ vựng vẫn đang ở mức trung bình. Tuy nhiên, hai phần ba sinh viên tham gia khảo sát (67%) đồng ý rằng “*việc áp dụng nhiều chiến lược học từ vựng khác nhau là một điều quan trọng*” đối với họ.

4.2. Tần suất sinh viên sử dụng 5 nhóm chiến lược học từ vựng

Những phản hồi của những người tham gia khi trả lời bản câu hỏi điều tra Chiến lược học từ vựng (CLHTV) giúp nhà nghiên cứu xác định việc phân loại tần suất sử dụng CLHTV của họ. Việc phân loại tần suất sử dụng thành sử dụng cao, sử dụng trung bình và sử dụng thấp dựa trên thang đánh giá 5 điểm, từ không bao giờ (1 điểm), hiếm khi (2 điểm), đôi khi (3 điểm), thường xuyên (4 điểm), và luôn luôn (5 điểm). Giá trị trung bình của mỗi loại CLHTV có giá trị từ 1 đến 2,8 được coi là có tần suất sử dụng thấp, từ 2,81 đến 3,6 là tần suất sử dụng trung bình và từ 3,61 đến 5 là tần suất sử dụng cao (Rabadi, 2016).

Bảng 2 cho thấy thống kê mô tả của năm loại chiến lược học từ vựng được sử dụng bởi những người tham gia. Số liệu từ Bảng 2 chỉ ra rằng trong tất cả năm chiến lược, chiến lược Siêu nhận thức (GTTB=3,73) có giá trị trung bình cao nhất, tiếp đến là chiến lược Nhận thức (GTTB=3,67). Hai giá trị trung bình khác là Xác định (GTTB=3,44) và Ghi nhớ (GTTB=3,30). Trong khi đó chiến lược Xã hội (GTTB=3,16) có giá trị trung bình thấp nhất trong năm loại CLHTV mà những người tham gia sử dụng.

Bảng 2. Thống kê tần suất người học sử dụng 5 nhóm chiến lược học từ vựng

| STT | Nhóm chiến lược | Giá trị trung bình (GTTB) | Độ lệch chuẩn | Tần suất sử dụng |
|-----|---------------------------|---------------------------|---------------|------------------|
| 1 | Chiến lược siêu nhận thức | 3,73 | .777 | Cao |
| 2 | Chiến lược nhận thức | 3,67 | .656 | Cao |
| 3 | Chiến lược xác định | 3,44 | .749 | Trung bình |
| 4 | Chiến lược ghi nhớ | 3,30 | .682 | Trung bình |
| 5 | Chiến lược xã hội | 3,16 | .764 | Trung bình |

Số liệu từ Bảng 2 cho thấy: các chiến lược học từ vựng được sinh viên năm nhất khoa tiếng Anh tại Đại học Ngoại ngữ Huế áp dụng nhiều nhất là chiến lược Siêu nhận thức, tiếp theo

là các chiến lược nhận thức, chiến lược xác định, chiến lược ghi nhớ và chiến lược xã hội. Kết quả này nhất quán với nghiên cứu của Asgari và Mustapha (2010) khi khám phá rằng chiến lược Siêu nhận thức được người học sử dụng nhiều hơn so với các chiến lược khác. Điều này có thể được lí giải rằng ngày nay, sinh viên từ sớm đã có nhiều cơ hội tiếp xúc với các phương tiện truyền thông và đa phương tiện bằng tiếng Anh như phim ảnh, âm nhạc, trò chơi điện tử, sách báo, mạng xã hội một cách dễ dàng, từ đó gợi cho họ sự hứng thú trong việc học từ vựng tiếng Anh. Theo Schmitt (2000), việc sử dụng những tài liệu nguyên gốc rất hữu ích trong việc học và ghi nhớ từ vựng một cách tự nhiên dựa vào ngữ cảnh và phương pháp này được ông xếp vào nhóm chiến lược Siêu nhận thức. Tuy nhiên, kết quả này lại đối lập với kết quả từ nghiên cứu của Rabadi (2016) thực hiện tại một trường Đại học ở Jordan và nghiên cứu của Phạm Thị Thu Trang (2019) thực hiện tại một trường Đại học ở miền Bắc Việt Nam khi chiến lược Siêu nhận thức lại là chiến lược được người học sử dụng ít nhất.

Kết quả điều tra từ Bảng 2 cũng chỉ ra: chiến lược Xã hội được người học ít sử dụng nhất. Đa số sinh viên cho rằng họ hiếm khi tìm đến sự giúp đỡ của bạn bè, thầy cô khi học từ vựng, họ chỉ chia sẻ vấn đề của họ với những người khác khi họ không thể tìm thấy bất kỳ nguồn nào khác để học những từ vựng mới. Ngược lại, dễ dàng nhận thấy đối với người tham gia nghiên cứu, chiến lược Nhận thức phổ biến thứ hai sau chiến lược Siêu nhận thức. Điều này nghĩa là sinh viên thường xuyên sử dụng các thủ thuật như: đọc to hoặc đọc thầm từ vựng nhiều lần, xem lại bài học và từ vựng cũ hay sử dụng sổ ghi chép từ vựng kèm ví dụ. Không ít sinh viên tham gia nghiên cứu nhận định đây là chiến lược học vừa giúp họ tăng vốn từ, vừa nâng cao khả năng nói của họ và giúp họ phát âm chuẩn hơn. Kết quả khảo sát này cho thấy sự tương đồng với kết quả nghiên cứu phương pháp học từ vựng phổ biến của Lương Thị Quỳnh Duy (2011) tại một trường đại học ở miền Bắc Việt Nam khi chiến lược nhận thức là một trong những chiến lược học từ vựng phổ biến nhất đối với gần 80% người học tham gia khảo sát.

4.3. Những chiến lược học từ vựng phổ biến nhất đối với sinh viên

Bảng 3. Mười chiến lược học từ vựng phổ biến nhất đối với sinh viên (n=100)

| STT | Chiến lược | GTTB | Nhóm chiến lược |
|-----|--|------|-----------------|
| 1 | Tìm kiếm thêm thông tin tiếng Anh qua Internet để học các từ vựng mới | 4,35 | Xã hội |
| 2 | Mở rộng vốn từ vựng bằng cách nghe các bài nhạc tiếng Anh | 4,26 | Siêu nhận thức |
| 3 | Học các từ vựng mới thông qua việc xem những bộ phim tiếng Anh có phụ đề | 4,22 | Siêu nhận thức |
| 4 | Sử dụng từ điển Anh-Việt để tra cứu nghĩa của những từ vựng mới | 4,06 | Xác định |
| 5 | Đoán nghĩa của từ vựng mới thông qua ngữ cảnh trong câu/đoạn văn | 3,99 | Xác định |
| 6 | Xem lại các bài học tiếng Anh trước đó và đọc những ghi chú từ trên lớp để học các từ vựng mới | 3,99 | Nhận thức |
| 7 | Làm một cuốn sổ để ghi chép lại các từ vựng mới với nghĩa của chúng kèm với ví dụ để học | 3,89 | Nhận thức |
| 8 | Luyện nói những từ vựng mới dựa trên cấu trúc âm tiết của nó | 3,77 | Nhận thức |
| 9 | Học từ vựng mới bằng cách liên hệ các từ mới học với những từ đã học trước đó | 3,74 | Siêu nhận thức |

| | | | |
|----|--|------|----------------|
| 10 | Mở rộng vốn từ vựng bằng cách tự làm thêm bài tập từ các nguồn khác nhau, (ví dụ như các bài báo, văn bản, internet, v.v...) | 3,73 | Siêu nhận thức |
|----|--|------|----------------|

Số liệu từ Bảng 3 cho thấy trên tổng số 10 chiến lược học từ vựng có tần suất sử dụng cao nhất, có đến 4 chiến lược thuộc nhóm chiến lược Siêu nhận thức. Điều này nhất quán với kết quả ở Bảng 2 khi nhóm chiến lược Siêu nhận thức có GTTB cao nhất trong 5 nhóm chiến lược học từ vựng của khách thể nghiên cứu. Những chiến lược như “mở rộng vốn từ vựng bằng cách nghe các bài nhạc tiếng Anh”, “học các từ vựng mới thông qua việc xem những bộ phim tiếng Anh có phụ đề”, “học từ vựng mới bằng cách liên hệ các từ mới học với những từ đã học trước đó”, và “mở rộng vốn từ vựng bằng cách tự làm thêm bài tập từ các nguồn khác nhau, (ví dụ như các bài báo, văn bản, internet, v.v...)” đều là những phương pháp học chứng tỏ sinh viên đã có ý thức trong việc chủ động học từ vựng cũng như có kế hoạch cho quá trình học từ vựng của bản thân, bởi theo Nation (2005), các chiến lược siêu nhận thức giúp người học quản lý quá trình học tập của chính họ một cách độc lập, không phụ thuộc vào giáo viên.

Việc tìm kiếm thêm thông tin tiếng Anh qua Internet để học các từ vựng mới được sinh viên áp dụng thường xuyên nhất (GTTB=4,35). Thời đại ngày nay là thời đại bùng nổ công nghệ thông tin và cuộc sống số, mạng Internet trở nên phổ biến, được mở rộng toàn cầu và là một phần thiết yếu không thể thiếu trong cuộc sống. Do đó, hiện nay người học dễ dàng tiếp cận với nhiều dạng bài tập cũng như những bài học, cách học tiếng Anh bổ ích được cập nhật thường xuyên và mới nhất thông qua mạng Internet. Đây cũng là chiến lược duy nhất trong 10 chiến lược phổ biến thuộc nhóm chiến lược Xã hội. Ngoài ra, chiến lược “sử dụng từ điển Anh-Việt để tra cứu nghĩa của những từ vựng mới” (GTTB=4,06) và “đoán nghĩa của từ vựng mới thông qua ngữ cảnh trong câu/đoạn văn” (GTTB=3,99) thuộc nhóm chiến lược Xác định cũng nằm trong top 5 những chiến lược được sinh viên sử dụng nhiều nhất. Trên thực tế, sinh viên năm nhất chắc hẳn vẫn còn quen thuộc với cách học từ vựng sử dụng từ điển song ngữ từ lúc học phổ thông bởi đây là một trong những cách học từ vựng ‘truyền thống’, thuận tiện và đặc biệt dễ hiểu. Kết quả này tương đồng với khám phá của Phạm Thị Thu Trang (2019) khi chiến lược sử dụng từ điển song ngữ được sinh viên năm thứ hai tại Đại học Thái Nguyên ưa chuộng. Tiếp đến là ba chiến lược thuộc nhóm chiến lược Nhận thức, bao gồm “xem lại các bài học tiếng Anh trước đó và đọc những ghi chú từ trên lớp để học các từ vựng mới” (GTTB=3,99), “làm một cuốn sổ để ghi chép lại các từ vựng mới với nghĩa của chúng kèm với ví dụ để học” (GTTB=3,89) và “luyện nói những từ vựng mới dựa trên cấu trúc âm tiết của nó” (GTTB= 3,77). Những chiến lược thuộc nhóm này không tập trung vào vận dụng kỹ năng mà phần lớn nhấn mạnh vào quá trình lặp lại (đọc nhiều, viết nhiều) và sử dụng những công cụ máy móc (danh mục từ trong sách giáo khoa, sổ ghi từ mới) để học từ vựng. Do đó, đa số sinh viên lựa chọn những cách học này vì nó khá quen thuộc và đơn giản.

Điểm thú vị trong kết quả nghiên cứu này đó là mặc dù các chiến lược học từ vựng được sinh viên sử dụng nhiều nhất có sự đa dạng và trải dài cả bốn nhóm chiến lược, không có chiến lược nào ở nhóm chiến lược Ghi nhớ nằm trong top mười chiến lược học từ vựng phổ biến nhất. Kết quả này hoàn toàn trái ngược với kết quả từ nghiên cứu của Rabadi (2016) và nghiên cứu của Phạm Thị Thu Trang (2019) khi các chiến lược thuộc nhóm chiến lược Ghi nhớ lại là chiến lược được người học sử dụng nhiều nhất. Điều này cho thấy ngày nay, người học đã có ý thức hạn chế được cách học thụ động và cố ghi nhớ, học thuộc từ vựng một cách máy móc so với trước đây.

5. Kết luận và kiến nghị

Kết quả nghiên cứu về chiến lược học từ vựng cho thấy, đa số sinh viên năm nhất chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế có nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của việc học từ vựng và phần lớn đồng ý rằng việc áp dụng nhiều chiến lược học từ vựng khác nhau là một điều thiết yếu. Kết quả nghiên cứu cũng đã phản ánh hầu hết sinh viên sử dụng các chiến lược học từ vựng với tần suất trên mức trung bình (trên 3,00) trong thang đo 5 cấp độ. Trong năm nhóm chiến lược học từ vựng, các chiến lược thuộc nhóm chiến lược siêu nhận thức được sinh viên ưa chuộng và sử dụng nhiều nhất (với tần suất sử dụng ở mức cao), trong khi đó, tần suất sử dụng chiến lược xã hội là ít nhất.

Dựa vào kết quả thu được, nghiên cứu này đề xuất một số kiến nghị như sau: giảng viên ngành tiếng Anh nên chú trọng hơn vào việc giới thiệu cho sinh viên biết về sự đa dạng của các chiến lược học từ vựng nhằm thu hút sự chú ý và nâng cao nhận thức của sinh viên vào các chiến lược này. Bên cạnh đó, các giảng viên có thể sắp xếp và đưa ra các tình huống hoặc hoạt động có thể áp dụng trong lớp học và cả ngoài lớp học của họ để khuyến khích sinh viên sử dụng các chiến lược học từ vựng này. Hơn hết, sinh viên ngành tiếng Anh cần chủ động nâng cao hiểu biết về các chiến lược học từ vựng để từ đó có động lực học ngôn ngữ và quản lý quá trình học tập của họ một cách hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- Asgari, A., & Mustapha, G. (2010). The type of vocabulary learning strategies used by ESL students in University Putra Malaysia. *English Language Teaching*, 1(2), 84-90.
- Cameron, L. (2001). *Teaching languages to young learners*. Cambridge: Cambridge University Press. <http://dx.doi.org/10.1017/CBO9780511733109>.
- Catalán, R.M.J. (2003). Six differences in L2 vocabulary learning strategies. *International Journal of Applied Linguistics*, 13(1), 54-77. <http://dx.doi.org/10.1111/1473-4192.00037>.
- Cohen, A.D. (1987). The use of verbal and imagery mnemonics in second language vocabulary learning. *Studies in Second Language Acquisition*, 9, 43-62. <http://dx.doi.org/10.1017/S0272263100006501>.
- Gu, P.Y., & Johnson, R.K. (1996). Vocabulary learning strategies and language learning outcomes. *Language Learning*, 46(4), 643-679. <http://dx.doi.org/10.1111/j.1467-1770.1996.tb01355.x>.
- Lường Thị Quỳnh Duy (2011). Nghiên cứu phương pháp học từ vựng của sinh viên chuyên ngành cao đẳng sư phạm tiếng Anh K46 Trường Cao đẳng Sơn La. Retrieved from: <https://laodongdongnai.vn/de-tai-nghien-cuu-phuong-phap-hoc-tu-vung-tieng-anh-1647112541/>.
- Nation, P. (2005). *Teaching and learning vocabulary*. In E. Hinkel (Ed.), *Handbook and research in second language teaching and learning* (pp. 581-595). New Jersey: Lawrence Erlbaum.
- O'Malley, J.M., & Chamot, A.U. (1995). *Learning strategies in second language acquisition*. UK: Cambridge University Press.
- Oxford, R. (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know*. New York: Newbury House.
- Phạm Thị Thu Trang (2019). An investigation into vocabulary learning strategies employed by the second-year non-english major students at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry. *TNU Journal of Science and Technology*, 199(06), 31-36.
- Rabadi, R. (2016). Vocabulary learning strategies employed by undergraduate EFL Jordanian students. *English Language and Literature Studies*, 6(1), 47-58.

Rubin, D. (1987). Learner strategies: Theoretical assumptions, research, history, and typology. In A. Wenden & J. Rubin (Eds.), *Learner strategies in language learning* (pp. 15-30). Eaglewood Cliffs, New Jersey: Prentice-Hall.

Sadighi, F., & Zarafshan, M.A. (2006). Effects of attitude and motivation on the use of language learning strategies by Iranian EFL university students. *Journal of Social Sciences and Humanities of Shiraz University*, 23(1), 71-80.

Schmitt, N. (1997). Vocabulary learning strategies. In N. Schmitt & M. McCarthy (Eds), *Vocabulary: Description, acquisition and pedagogy* (pp. 77-85). Cambridge: Cambridge University Press.

Schmitt, N. (2000). *Vocabulary in language teaching*. Cambridge. U.K: Cambridge University Press.

Wenden, A. (1987). Conceptual background and utility. In A. Wenden and J. Rubin (Eds.), *Learner strategies in language learning* (pp. 3-13). London: Prentice Hall International.

AN INVESTIGATION INTO THE VOCABULARY LEARNING STRATEGIES USED BY EFL STUDENTS FROM THE FACULTY OF ENGLISH, UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES, HUE UNIVERSITY

Abstract: Vocabulary is one of the components that contributes to English learners achieving their full potential. The purpose of this study is to investigate the vocabulary learning strategies (VLSs) by collecting survey data from 100 first-year students who enrolled in the Faculty of English at University of Foreign Languages, Hue University. The research findings indicate that the majority of the students understand the critical nature of vocabulary acquisition and that the majority of the students employ above-average frequency of vocabulary learning strategies. Of the five VLSs categories, the metacognitive strategies were the most popular and frequently employed by the students, while the social strategies were the least frequently used. The research has yielded some recommendations that might be used as a guide for teaching and learning vocabulary.

Key words: Vocabulary, vocabulary learning strategies, learning English